ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐÌNH CƯƠNG** Số: /BC-UBND DỰ THẢO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Đình Cương, ngày tháng 8 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác chuyển đổi số của UBND xã Đình Cương

Thực hiện Kế hoạch số 87/KH-SKHCN ngày 16/6/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi về việc kiểm tra thực hiện công tác chuyển đổi số Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đình Cương báo cáo kết quả thực hiện công tác chuyển đổi số từ ngày 01/7/2025 đến nay như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

- Thực hiện Nghị quyết số 1677/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi, xã Đình Cương được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 03 xã Hành Thịnh, Hành Phước và Hành Đức, chính thức hoạt động từ ngày 01/7/2025, với tổng diện tích tự nhiên 53,962 km², 8.761 hộ, dân số gần 36.000 người, 21 thôn; Việc hợp nhất 03 đơn vị hành chính làm tăng quy mô dân số, phạm vi quản lý, khối lượng công việc và số lượng hồ sơ thủ tục hành chính, đặt ra yêu cầu cao đối với tổ chức bộ máy, nhân lực, hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin trong giai đoạn đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Từ ngày 01/7/2026, xã Đình Cương giảm từ 21 thôn xuống còn 12 thôn.

- Từ ngày 01/7/2025 đến nay, UBND xã Đình Cương xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, gắn liền với cải cách hành chính, Đề án 06 và xây dựng chính quyền số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. Các cơ quan, đơn vị thuộc xã tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức.

- Được sự quan tâm chỉ đạo của cấp trên, cán bộ, công chức toàn xã từng bước nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, tích cực ứng dụng các phần mềm chuyên môn, sử dụng văn bản điện tử, thư điện tử công vụ, chữ ký số và các nền tảng số trong công việc. Tuy nhiên, hạ tầng công nghệ thông tin được kế thừa từ các xã trước sáp nhập phần lớn đã đầu tư từ nhiều năm, một số thiết bị xuống cấp, thiếu đồng bộ; đường truyền có thời điểm chưa ổn định; xã chưa có công chức chuyên trách công nghệ thông tin; kỹ năng ứng dụng phần mềm mới của một bộ phận cán bộ, công chức chưa được tập huấn chuyên sâu, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về việc triển khai thực hiện các kế hoạch của UBND tỉnh về chuyển đổi số

- UBND xã Đình Cương đã quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số, trọng tâm là: Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 31/12/2025 về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2026; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2026 về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030.

- Kết quả triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại các kế hoạch nêu trên: xã đã cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số bằng các kế hoạch, văn bản chỉ đạo hằng năm và giai đoạn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính; kiện toàn Ban Chỉ đạo, phân công đầu mối tham mưu, tổ chức thực hiện. Kết quả nổi bật đến nay: 100% cán bộ, công chức sử dụng hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, chữ ký số trong xử lý công việc; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đạt 99,44%, tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn đạt 99,82%; tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 100%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đối với thủ tục có phát sinh nghĩa vụ tài chính đạt 100%; 100% thôn được phủ sóng di động 4G, bảo đảm hạ tầng cơ bản phục vụ người dân tiếp cận dịch vụ số. Các chỉ tiêu này cơ bản bám sát mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 119/KH-UBND, số 121/KH-UBND và số 38/KH-UBND của UBND tỉnh.

- Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Đảng ủy xã ban hành Kế hoạch hành động số 02-KH/ĐU ngày 08/8/2025 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch hành động số 04-KH/ĐU ngày 11/8/2025; Ban Chấp hành Đảng bộ xã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/ĐU ngày 11/02/2026 về phát triển nguồn nhân lực gắn với cải cách hành chính, chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030. UBND xã ban hành các kế hoạch: số 01/KH-UBND ngày 05/01/2026 về chuyển đổi số xã Đình Cương năm 2026; số 26/KH-UBND ngày 30/01/2026 về chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với quản lý nhiệm vụ trên môi trường số; số 35/KH-UBND ngày 12/02/2026 và số 36/KH-UBND ngày 12/02/2026 về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số giai đoạn 2026-2030; số 63/KH-UBND ngày 20/3/2026 thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP; số 64/KH-UBND ngày 24/3/2026 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- UBND xã đã thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tại Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 12/8/2025; Ban Chỉ đạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động tại Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 15/9/2025; Quyết định 247-QĐ/ĐU ngày 29/7/2026 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã Đình Cương; Quyết định số 03-QĐ/ĐU ngày 31/7/2026 về việc kiện toàn tổ giúp việc Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã Đình Cương. Đối với công tác chuyên môn, UBND xã giao Phòng Văn hóa - Xã hội làm đầu mối tham mưu; Trung tâm Phục vụ hành chính công là đầu mối trực tiếp tiếp nhận, số hóa, luân chuyển, trả kết quả thủ tục

hành chính; phân công công chức, viên chức phụ trách công nghệ thông tin theo dõi việc sử dụng các nền tảng số tại từng cơ quan, đơn vị.

- Hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các kế hoạch: một số chỉ tiêu, nhiệm vụ tại các Kế hoạch số 119/KH-UBND, số 121/KH-UBND và số 38/KH-UBND của UBND tỉnh chưa được cụ thể hóa kịp thời thành các chỉ tiêu, giải pháp riêng phù hợp với điều kiện của xã sau sắp xếp đơn vị hành chính; hạ tầng công nghệ thông tin kế thừa từ 03 xã trước sáp nhập thiếu đồng bộ, cấu hình thấp; xã chưa có công chức chuyên trách công nghệ thông tin nên việc theo dõi, đôn đốc thực hiện các chỉ tiêu tại kế hoạch của tỉnh còn hạn chế; một số phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa liên thông đồng bộ với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành chỉ tiêu số hóa, liên thông dữ liệu.

- Nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn:

+ Nguyên nhân khách quan: Quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp diễn ra trong thời gian ngắn, nhiều hệ thống thông tin, quy trình nghiệp vụ, dữ liệu chuyên ngành phải đồng thời điều chỉnh, kết nối theo mô hình mới.

+ Nguyên nhân chủ quan: Nguồn lực ngân sách địa phương còn hạn chế, chưa đủ điều kiện đầu tư đồng bộ hạ tầng theo yêu cầu của các kế hoạch tỉnh giao; đội ngũ cán bộ, công chức chủ yếu kiêm nhiệm công tác chuyển đổi số nên việc bám sát, cụ thể hóa đầy đủ các chỉ tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch cấp tỉnh vào thực tiễn địa phương còn chưa kịp thời.

- Kiến nghị, đề xuất giải pháp tháo gỡ: đề nghị UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục hướng dẫn cụ thể việc triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch số 119/KH-UBND, số 121/KH-UBND, số 38/KH-UBND phù hợp với đặc thù cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính; quan tâm hỗ trợ kinh phí, trang thiết bị, nhân lực công nghệ thông tin để xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chỉ tiêu được giao; tăng cường tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chuyển đổi số cho cán bộ, công chức cấp xã.

2. Về hạ tầng

- *Hệ thống mạng nội bộ, kết nối Internet, mạng truyền số liệu chuyên dùng:* xã đã triển khai 02 đường truyền số liệu chuyên dùng phục vụ hoạt động của cơ quan; 100% thôn được phủ sóng di động 4G, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến.

- *Trang thiết bị phục vụ xử lý công việc:* xã bảo đảm tỷ lệ máy tính/cán bộ, công chức đạt 100%. Tại UBND xã hiện có 37 máy tính bàn, 32 máy in và 08 máy scan. Nhìn chung, cấu hình máy tính chưa đảm bảo tốt nhu cầu sử dụng, các đơn vị đều chỉ đạt tỷ lệ khoảng 50%; một số thiết bị được kế thừa từ các xã trước sáp nhập đã sử dụng nhiều năm, cấu hình thấp, xuống cấp, thiếu đồng bộ, còn thiếu thiết bị hỗ trợ số hóa và phục vụ người dân.

- *Hệ thống máy chủ, thiết bị lưu trữ, an toàn thông tin:* xã đã triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin cơ bản (phần mềm phòng chống mã độc, sao lưu dữ liệu định kỳ); tuy nhiên trang thiết bị chuyên dụng phục vụ an toàn thông tin chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu.

- *Chữ ký số chuyên dùng*: tổng số chữ ký số chuyên dùng của cá nhân thuộc quản lý của xã là 30 chữ ký số chứng thư số (trong đó: tổ chức là 7 và cá nhân là 3). Công tác bảo quản, sử dụng chữ ký số chuyên dùng được thực hiện đúng quy định (lưu khóa bí mật), bảo đảm an toàn trong giao dịch điện tử.

3. Về xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng trong năm 2026

- 100% cán bộ, công chức, viên chức của xã tham gia sử dụng hệ thống Quản lý văn bản và điều hành dùng chung; 100% cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc, tăng cường sử dụng chữ ký số, văn bản điện tử và trao đổi thông tin trực tuyến nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí.

- *Về tỷ lệ hồ sơ, văn bản đến/đi được xử lý toàn trình trên môi trường mạng (trừ văn bản Mật):* Tổng số hồ sơ, văn bản xử lý song song (điện tử và giấy) là 36.959, trong đó xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng là 36.220 hồ sơ, đạt tỷ lệ 98% trên tổng số văn bản đến/đi.

4. Về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn xã được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng:

Từ ngày 01/7/2025 đến 01/7/2026, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã đã tiếp nhận 6.831 hồ sơ, trong đó hồ sơ nộp trực tuyến 6.793 hồ sơ, đạt 99,44%; hồ sơ tiếp nhận trực tiếp 38 hồ sơ, chiếm 0,56% (chủ yếu thuộc lĩnh vực chứng thực chữ ký thời gian đầu chưa thực hiện nộp trực tuyến). Kết quả giải quyết: đã giải quyết 6.747 hồ sơ, trong đó trước hạn 6.735 hồ sơ (đạt 99,82%), quá hạn 12 hồ sơ (chiếm 0,18%, chủ yếu thuộc lĩnh vực đất đai do người dân chậm nộp thuế, chờ bổ sung hồ sơ hoặc lỗi hệ thống); hồ sơ rút 35 hồ sơ; đang giải quyết 49 hồ sơ, trong đó trong hạn 48 hồ sơ (97,96%), quá hạn 01 hồ sơ (2,04%).

- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa và tái sử dụng: 100% hồ sơ tiếp nhận được số hóa thành phần hồ sơ (6.831 hồ sơ); 100% hồ sơ đã giải quyết được số hóa kết quả giải quyết (6.586 hồ sơ); khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với 6.831 hồ sơ; tái sử dụng dữ liệu số hóa từ kho dữ liệu của tỉnh đối với 14 hồ sơ. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến đối với các thủ tục có phát sinh nghĩa vụ tài chính đạt 100%.

- Đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân: các tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đều đánh giá

cao thái độ phục vụ, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ công chức, viên chức trong tư vấn, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ; việc duy trì tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, số hóa và thanh toán trực tuyến ở mức cao góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, giảm thời gian, chi phí đi lại cho người dân.

5. Việc ứng dụng các phần mềm trong giải quyết công việc

- Các phần mềm, ứng dụng đang được các cơ quan, đơn vị thuộc xã sử dụng để xử lý, giải quyết công việc gồm: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; phần mềm Một cửa điện tử; hộp thư điện tử công vụ; chữ ký số; hệ thống quản lý hồ sơ điện tử; phần mềm kế toán - tài chính; phần mềm quản lý hộ tịch; phần mềm quản lý đất đai và Cổng dịch vụ công trực tuyến, do các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Trung ương triển khai, quản trị.

- Riêng Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công đã tích hợp 02 cụm loa truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tại địa bàn xã Hành Đức cũ và xã Hành Thịnh cũ, phục vụ công tác tuyên truyền, thông tin cơ sở.

- Việc ứng dụng các phần mềm giúp số hóa quy trình xử lý công việc, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tăng tính minh bạch và hạn chế sai sót. Tuy nhiên, quá trình sử dụng còn một số khó khăn: hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, đường truyền mạng đôi khi chưa ổn định; một số hệ thống, phần mềm chuyên ngành còn xảy ra lỗi, tốc độ xử lý chậm, chưa liên thông hoàn toàn với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; có trường hợp quy trình điện tử chưa đồng bộ với quy trình nội bộ, gây khó khăn trong thao tác xử lý hồ sơ; kỹ năng sử dụng công nghệ của một bộ phận cán bộ và người dân còn hạn chế.

6. Việc thực hiện đảm bảo an toàn thông tin mạng

- Về hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin: xã đang xây dựng, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xác định cấp độ an toàn thông tin (cấp độ 2), dự kiến bố trí trên 200 triệu đồng từ ngân sách địa phương năm 2026 để thực hiện nhiệm vụ này, gửi Công an tỉnh thẩm định.

- Về quy chế bảo đảm an toàn thông tin: xã đã ban hành Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 28/7/2026 về việc ban hành Quy chế Bảo đảm an toàn, an ninh mạng hệ thống thông tin xã Đình Cương cấp độ 2; việc quản lý tài khoản, phân quyền truy cập được thực hiện chặt chẽ theo chức năng, nhiệm vụ của từng cán bộ, công chức; công tác giám sát an ninh mạng được duy trì thường xuyên.

- Về xử lý sự cố: trong kỳ báo cáo, các cơ quan, đơn vị thuộc xã không để xảy ra sự cố mất an toàn thông tin. 100% máy tính của cơ quan được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc. UBND xã thường xuyên kiểm tra, cập nhật phần mềm trên trang thiết bị làm việc, nâng cao ý thức bảo vệ dữ liệu của cán bộ, viên chức, không để xảy ra sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng và thực hiện sao lưu dữ liệu chuyên môn theo quy định.

- Hạn chế: xã chưa có cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin; năng lực xử lý các tình huống kỹ thuật, phòng chống mã độc và ứng cứu sự cố của cán bộ

kiêm nhiệm còn hạn chế; trang thiết bị chuyên dụng phục vụ bảo đảm an toàn thông tin chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu.

7. Nguồn nhân lực

- Xã hiện chưa có công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số; mỗi cơ quan, đơn vị của cơ quan phân công 01 công chức, viên chức kiêm nhiệm phụ trách công nghệ thông tin, theo dõi việc sử dụng các nền tảng số. Cán bộ, công chức cơ bản sử dụng được hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử công vụ, chữ ký số và các phần mềm chuyên ngành; tuy nhiên kỹ năng số và khả năng xử lý sự cố kỹ thuật của đội ngũ chưa đồng đều.

- Công tác bồi dưỡng, tập huấn: cán bộ, công chức được tham gia các lớp tập huấn chuyển đổi số, kỹ năng số hóa hồ sơ, kỹ năng giao tiếp hành chính do UBND xã tổ chức. Xã đã triển khai mô hình "Bình dân học vụ số", tổ chức hướng dẫn kỹ năng số cho khoảng 300 lượt người dân, cán bộ thôn và thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng, tập trung vào kỹ năng sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt.

8. Công tác tuyên truyền, phổ biến chuyển đổi số

- ***Công tác tuyên truyền được triển khai bằng nhiều hình thức:*** tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử của xã; hệ thống truyền thanh cơ sở; các nhóm Zalo cộng đồng, nhóm Zalo phục vụ công tác điều hành; trang Fanpage của Trung tâm Phục vụ hành chính công; lồng ghép tại các hội nghị, cuộc họp, sinh hoạt khu dân cư; hướng dẫn trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và thông qua hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng. Nội dung tuyên truyền tập trung vào Nghị quyết số 57-NQ/TW, cải cách hành chính, dịch vụ công trực tuyến, tài khoản định danh điện tử VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin.

- ***Tuyên truyền qua các hình thức khác:*** Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công duy trì chuyên mục "Cải cách hành chính" và "Chuyển đổi số" trên Trang thông tin điện tử xã, đăng tải tin, bài thường xuyên với khoảng trên 500 tin/bài; tuyên truyền qua hệ thống đài phát thanh với khoảng trên 300 tin/bài; đồng thời tuyên truyền chủ trương, chính sách về chuyển đổi số thông qua các cuộc họp và khuyến khích cán bộ, viên chức tự học, nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ.

9. Việc quản lý, sử dụng kinh phí được bố trí để thực hiện công tác chuyển đổi số

- Tổng kinh phí được phân bổ từ 01/7/2025 lũy kế đến năm 2026 là 155 triệu đồng, cụ thể các nội dung đầu tư: Mua sắm máy tính, thiết bị mạng, thuê dịch vụ CNTT,... Góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc, cải thiện chất lượng phục vụ người dân. Tuy nhiên nguồn kinh phí còn hạn chế đề nghị cấp thẩm quyền tiếp tục bố trí nguồn vốn đầu tư chuyển đổi số.

- Theo Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 27/3/2026, UBND xã đã phê duyệt 20 nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 với tổng nhu cầu kinh phí 1.545 triệu đồng; Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 phê duyệt chủ trương và dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026. Trong 6 tháng đầu năm 2026, do nguồn kinh phí hỗ trợ của cấp trên theo Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 của UBND tỉnh chưa được phân khai về địa phương, xã chủ yếu sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết, trong đó dự kiến sẽ bố trí trên 200 triệu đồng để xây dựng hồ sơ xác định cấp độ an toàn thông tin.

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí được thực hiện theo đúng quy định về đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước. Hạn chế, khó khăn: nguồn ngân sách xã còn hạn chế, chưa đủ khả năng đầu tư đồng bộ hạ tầng, trang thiết bị; nguồn kinh phí cấp trên chưa được phân khai kịp thời, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các nhiệm vụ đã đề ra. UBND xã kiến nghị UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh sớm phân bổ, hướng dẫn sử dụng nguồn kinh phí đã được cấp có thẩm quyền bố trí để địa phương triển khai theo kế hoạch.

III. ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT

1. Ưu điểm

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về chuyển đổi số được triển khai tương đối đồng bộ từ Đảng ủy đến UBND xã; hệ thống văn bản chỉ đạo, kế hoạch giai đoạn và hằng năm được ban hành đầy đủ, kịp thời.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công được tổ chức, vận hành cơ bản ổn định; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 99,44%, tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn đạt 99,82%, tỷ lệ số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết đạt 100%.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ được duy trì thường xuyên; 100% cán bộ, công chức sử dụng hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử công vụ, chữ ký số và các phần mềm chuyên ngành.

- Chuyển đổi số tạo thuận lợi hơn cho người dân trong thực hiện thủ tục hành chính, nhất là khả năng nộp hồ sơ trực tuyến, theo dõi trạng thái xử lý, thanh toán trực tuyến.

- Hoạt động hỗ trợ người dân được quan tâm thông qua mô hình "Bình dân học vụ số", Tổ công nghệ số cộng đồng và hướng dẫn trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

2. Hạn chế, khó khăn

- *Về hạ tầng kỹ thuật:* một số máy tính, thiết bị công nghệ thông tin kế thừa từ các xã trước sáp nhập đã sử dụng nhiều năm, cấu hình thấp, thiếu đồng bộ, chỉ đáp ứng khoảng 50% nhu cầu sử dụng; còn thiếu thiết bị hỗ trợ số hóa, bảo đảm an toàn thông tin; đường truyền mạng có thời điểm chưa ổn định.

- *Về phần mềm, kết nối, dữ liệu:* một số hệ thống, phần mềm chuyên ngành vận hành chưa ổn định, còn xảy ra lỗi; việc kết nối, đồng bộ dữ liệu giữa các phần mềm chuyên ngành với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính chưa thật sự thông suốt.

- *Về nguồn nhân lực:* xã chưa có công chức chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và an toàn thông tin; công tác tham mưu chủ yếu do công chức kiêm nhiệm đảm nhận, kỹ năng số chưa đồng đều.

- *Về nguồn lực tài chính:* ngân sách xã còn hạn chế, chưa đủ khả năng đầu tư đồng bộ hạ tầng và trang thiết bị; nguồn kinh phí hỗ trợ của cấp trên chưa được phân khai kịp thời.

- *Về khả năng tiếp cận dịch vụ số của người dân:* một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi, còn hạn chế về kỹ năng sử dụng thiết bị, dịch vụ công trực tuyến; địa bàn xã sau sáp nhập rộng hơn khiến một số khu vực dân cư cách xa Trung tâm Phục vụ hành chính công.

3. Nguyên nhân hạn chế, khó khăn

- Nguyên nhân khách quan: quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp diễn ra trong thời gian ngắn, nhiều hệ thống, quy trình, dữ liệu phải đồng thời điều chỉnh, kết nối theo mô hình mới; hạ tầng kế thừa từ 03 xã trước sáp nhập có mức độ đầu tư khác nhau, thiếu đồng bộ; hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành không thường xuyên được cập nhật, nâng cấp nên đôi lúc phát sinh lỗi kỹ thuật; nguồn ngân sách địa phương còn hạn chế; trình độ tiếp cận công nghệ thông tin của người dân không đồng đều, nhất là người cao tuổi, người dân ở khu vực nông thôn.

- Nguyên nhân chủ quan: nguồn nhân lực chuyên sâu về công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu, công tác tham mưu chuyển đổi số chủ yếu kiêm nhiệm; một số cán bộ, công chức chưa chủ động nghiên cứu, cập nhật kiến thức, kỹ năng số; công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng nền tảng số có lúc, có nơi chưa thường xuyên, chưa tạo sự lan tỏa rộng rãi.

4. Giải pháp khắc phục những hạn chế, khó khăn

- Tiếp tục quán triệt, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số theo chỉ đạo của cấp trên; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số, văn bản điện tử trong giải quyết công việc.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số; duy trì, nhân rộng mô hình "Bình dân học vụ số" và hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Thực hiện tốt công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng; hoàn thiện hồ sơ xác định cấp độ an toàn thông tin.

- Đề xuất đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị đồng bộ cho các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Chủ động phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị quản trị hệ thống để kịp thời xử lý lỗi phần mềm, kết nối dữ liệu.

IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2027 VÀ KINH PHÍ ĐỀ XUẤT CÓ LIÊN QUAN

- 100% cán bộ, công chức sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên môn, hệ thống quản lý văn bản, điều hành.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan được thực hiện dưới dạng điện tử, có ký số theo quy định; tăng cường thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ có thu phí.

- Hoàn thành hồ sơ xác định cấp độ an toàn thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ được phê duyệt; bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu trong quá trình khai thác, sử dụng nền tảng số.

- Đề xuất bố trí kinh phí đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Trung ương

- Đề nghị các bộ, ngành Trung ương tiếp tục rà soát, hoàn thiện, chuẩn hóa và đồng bộ các hệ thống thông tin, phần mềm chuyên ngành với Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của địa phương; bảo đảm quy trình điện tử thống nhất với quy trình nghiệp vụ, hạn chế tình trạng lỗi, treo hồ sơ hoặc phải nhập lại dữ liệu.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm thông tin đã có, đủ điều kiện khai thác thì không yêu cầu người dân cung cấp lại.

2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

- Quan tâm hỗ trợ địa phương nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, máy tính, thiết bị số hóa, thiết bị bảo đảm an toàn thông tin và đường truyền phục vụ Trung tâm Phục vụ hành chính công và các cơ quan chuyên môn cấp xã.

- Sớm phân bổ, hướng dẫn sử dụng nguồn kinh phí phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được cấp có thẩm quyền bố trí theo Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 23/4/2026, ưu tiên nguồn lực cho cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính.

- Có cơ chế hỗ trợ nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin cho cấp xã trong điều kiện thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; tăng cường cơ chế phối hợp, hỗ trợ kỹ thuật giữa cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị quản trị hệ thống với UBND cấp xã.

3. Đối với Sở Khoa học và Công nghệ

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về chuyển đổi số, quản trị hệ thống, an toàn thông tin, khai thác dữ liệu và vận hành dịch vụ công trực tuyến cho cán bộ, công chức cấp xã.

- Chủ trì, phối hợp hoàn thiện các phần mềm chuyên ngành, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt; rà soát, khắc phục các trường hợp quy trình điện tử chưa đồng bộ với quy trình nội bộ; kịp thời hỗ trợ kỹ thuật khi các cơ quan, đơn vị cấp xã phát sinh lỗi phần mềm, kết nối dữ liệu hoặc vướng mắc trong quy trình điện tử.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác chuyển đổi số từ ngày 01/7/2025 đến nay. Chủ tịch UBND xã Đình Cương kính báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi quan tâm, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Thường trực: Đảng ủy; HĐND xã (b/c);
- CT, các PCT UBND xã (b/c);
- Các phòng, trung tâm thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Thanh Lộng